

CÁC CHÂN NGÔN TRONG NGHI THỨC TỤNG KINH KIM CƯƠNG BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA

Soạn dịch: HUYỀN THANH

1_ Tịnh Khâu Nghiệp Chân Ngôn:

“Tu lợi, tu lợi, ma ha tu lợi, tu tu lợi, tát bà ha”

TURE TURE MAHĀ-TURE TUTTURE SVĀHĀ

TURE TURE MAHĀ-TURE: hay truyền các Thắng Nghĩa của 3 Thừa

TUTTURE: thúc đẩy lưu truyền các Thắng Nghĩa

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

2_ Tịnh Tam Nghiệp Chân Ngôn:

**“Ān, sa phộc bà phộc, truat đà, sa phộc đạt ma, sa phộc bà phộc truat độ
hám”**

**OM SVABHĀVA ŚUDDHA SARVA-DHARMA-SVABHĀVA
ŚUDDHOAM**

OM: Quy Mệnh

SVABHĀVA ŚUDDHA: Tự Tính thanh tịnh

SARVA-DHARMA SVABHĀVA ŚUDDHOAM: Tôi cũng thanh tịnh như
Tự Tính của tất cả Pháp

3_ An Thổ Địa Chân Ngôn:

“Nam mô tam mãn đá mẫu đà nẫm. Ān, độ rô độ rô, địa vĩ, sa bà ha”

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM OM DHURU DHURU DEVĪ
SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: quy mệnh khắp cả chư Phật

OM: nhiếp triệu

DHURU DHURU: lóe sáng, gom giữ tiền đề

DEVĪ SVĀHĀ: Thiên Nữ ban cho sự thành tựu tốt lành

4_ Phô Cúng Dường Chân Ngôn:

“Ān, nga nga nẵng, tam bà phộc, [hiệt nhật la, hộc”

OM GAGANA SAMBHAVA VAJRA HOḤ

OM: nhiếp triệu

GAGANA SAMBHAVA VAJRA HOḤ: hư không sinh ra sự vui vẻ bền chắc
không bị hủy hoại

5_ Bát Nhã Vô Tận Tạng Chân Ngôn:

**“Nạp mô bực già phạt đế, bát lợi nhã, ba la mật đa duệ. Đát diệt tha: Ān, hột
lợi, địa lợi, thất lợi, thú lỗ tri, tam mật lật tri, phạt xã duệ, toa ha”**

NAMO BHAGAVATE PRAJÑĀ-PĀRAMITĀYE

**TADYATHĀ: OM HRĪḤ DHṚK ŚRĪ ŚRUTI SMṚTI VIJAYE
SVĀHĀ**

NAMO BHAGAVATE PRAJÑĀ-PĀRAMITĀYE: Quy mệnh Thế Tôn Bát Nhã
Ba La Mật Đa

TADYATHĀ: Như vậy, liền nói Chú là

OM: nhiếp triệu

HRĪH: chúng tử biểu thị cho sự thanh tịnh của Liên Hoa Bộ
DHRK ŚRĪ: gìn giữ sự cát tường
ŚRUTI SMRTI: lắng nghe ghi nhớ tri thức của Thần Thánh
VIJAYE SVĀHĀ: thành tựu viên mãn sự tối thắng

6_Kim Cương Tâm Chân Ngôn:

“**Ān, ô luân ni, sa bà ha**”

OM_ ŪRNI SVĀHĀ

OM: nhiếp triệu

ŪRNI SVĀHĀ: thành tựu Tính **Bạch Hào** (Sợi lông trắng uốn xoay theo bên phải ở tam tinh) của Đức Thế Tôn

7_Bồ Khuyết Chân Ngôn:

“**Nam mô hát la đát na đa la dạ gia. Khê ra khô ra, câu trụ câu trụ, ma la ma la, hổ la, hồng, hạ hạ, tô đá noa hồng phấn, mặt noa, sa bà ha**”

NAMO RATNA-TRAYĀYA

**KHARA KHARA – KŪCĪ KŪCĪ_MALA MALA_HURAS HŪM_HA
HA SŪDANA HŪM PHAṬ VARṆA SVĀHĀ**

NAMO RATNA-TRAYĀYA: Quy mệnh Tam Bảo

KHARA KHARA: tính bền chắc

KŪCĪ KŪCĪ: mỗi mỗi vút bỏ

MALA MALA: sự cầu chướng chướng sạch bên trong và bên ngoài

HURAS HŪM: khủng bố mọi chướng nạn của đất bí mật

HA HA SŪDANA HŪM PHAṬ: phá hoại khủng bố phá bại 2 Nhân bất tịnh

VARṆA SVĀHĀ: thành tựu viên mãn văn tự

8_Phổ Hồi Hướng Chân Ngôn:

“**Ān, sa ma la, sa ma la, nhĩ ma năng, tát phộc ha, ma ha chước ca la phộc, hồng**”

OM_SMARA SMARA VIMANA-SAVĀHA MAHĀ-CAKRAVAT HŪM

OM: Nhiếp triệu

SMARA SMARA: mỗi mỗi ghi nhớ

VIMANA-SAVĀHA: mệnh lệnh có năng lực khác thường

MAHĀ-CAKRAVAT HŪM: thành tựu bánh xe Đại Pháp

9_Kim Cương Bồ Khuyết Chân Ngôn:

“**Ān, hô lô hô lô, xā duệ mục khế, toa ha**”

OM_HURU HURU JAYE-MUKHE SVĀHĀ

OM: Nhiếp triệu

HURU HURU: mỗi mỗi nhanh chóng

JAYE-MUKHE SVĀHĀ: thành tựu viên mãn Môn thù thắng

10_Vãng Sinh Quyết Định Chân Ngôn:

“**Nam mô a di đa bà dạ, đa tha già đa dạ.**

Đá diệt tha: A di lợi đô bà tỳ, a di lợi đa tất đām bà tỳ, a dị lợi đa tì ca lan đế, a di lợi đa tì ca la đà, già di ni, già già na chỉ đa ca lệ, toa bà ha”

NAMO AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA

**TADYATHĀ: AMṚTODDBHAVE_ AMṚTA-SIDDHAM-BHAVE_ AMṚTA-
VIKRĀNTE_ AMṚTA-VIKRĀNTA_ GAMINE_ GAGANA-KĪRTTI-KARE
SVĀHĀ**

NAMO AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA: Quy mệnh Vô Lượng Quang Như
Lai

TADYATHĀ: Như vậy, liền nói Chú là

AMṚTODDBHAVE: Cam Lộ hiện lên

AMṚTA-SIDDHAM-BHAVE: có Cam Lộ thành tựu

AMṚTA-VIKRĀNTE: Cam Lộ dừng mãi

AMṚTA-VIKRĀNTA GAMINE: Đạt đến Cam Lộ dừng mãi

GAGANA-KĪRTTI-KARE: rải đầy khắp hư không

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

02/05/2016